

Số/No.: 701/2022/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2022  
Hanoi, day 22 month 11 year 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
  - Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
  - Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
  - Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
  - Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 21/11/2022
  - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
<b>I.</b>	<b>Chứng khoán/ Stock</b>		
1	ACB	3,500	6.5%
2	BID	200	0.6%
3	BVH	100	0.4%
4	CTG	800	1.7%
5	FPT	1,100	6.9%
6	GAS	100	1.0%
7	GVR	200	0.2%
8	HDB	2,100	2.8%
9	HPG	3,900	5.2%
10	KDH	500	1.0%
11	MBB	3,000	4.1%
12	MSN	800	6.7%
13	MWG	1,300	4.8%
14	NVL	900	2.3%
15	PDR	300	0.5%
16	PLX	100	0.2%
17	POW	500	0.4%
18	SAB	100	1.6%
19	SSI	1,200	1.7%
20	STB	2,300	3.4%
21	TCB	2,800	5.6%
22	TPB	1,000	1.8%
23	VCB	600	4.0%
24	VHM	1,300	5.5%
25	VIB	1,400	2.3%
26	VIC	1,100	6.3%
27	VJC	300	2.7%
28	VNM	1,000	6.7%
29	VPB	5,300	7.2%
30	VRE	1,100	2.7%
<b>II.</b>	<b>Tiền / Cash (VND)</b>	<b>37,178,806</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
  - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,104,500,000 VND
  - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,141,678,806 VND
  - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 37,178,806 VND
  - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
    - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
    - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	21,150	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	35,950	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	48,300	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC
4	FPT	71,500	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	HDB	15,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MBB	15,700	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	MWG	42,150	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	22,700	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	TPB	20,600	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	VIB	18,400	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	15,500	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)  
*State if component securities shall have corporate action:*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 21/11/2022	Kỳ trước/Last period (**) 18/11/2022	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	15	-	15
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	34,100,000	35,600,000	(1,500,000)
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ Closing price	11,250	11,420	(170)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
- của quỹ ETF/ of the Fund	406,437,654,780	406,405,053,837	32,600,943
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,141,678,806	1,141,587,230	91,576
- của 1 CCQ/ per share	11,416.78	11,415.87	0.91
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	956.89	971.20	(14.31)

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 20/11/2022

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 17/11/2022

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative

